TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2025
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Nguyễn Minh Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Hòa**

2. Bà Vũ Thị Toan

***- Thư ký phiên toà*: Ông Phạm Văn Hiền** - Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: **Ông Trần Văn Mừng**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2024/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/02/2025giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị S, sinh năm 1987.

TQ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Đào Văn Q, sinh năm 1985.

TQ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

"Vắng mặt lần 2 không có lý do"

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Đào Duy L, sinh ngày 12/11/2007.

- Cháu Đào Ngọc T, sinh ngày 13/5/2010.

- Cháu Đào Trâm A, sinh ngày 06/3/2022.

"Đều vắng mặt lần 2 không có lý do"

Người đại diện hợp pháp cho cháu L, T và Trâm A: Anh Đào Văn Q và chị Mai Thị S - Là bố, mẹ đẻ các cháu đều vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Người làm chứng:

- Ông Đào Văn T, sinh năm 1960 *"Vắng mặt"*.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên

- Bà Vũ Thị N, sinh năm 1966*"Vắng mặt"*.

Địa chỉ: Thôn A 1, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Mai Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Văn Q do người thân mai mối, giới thiệu, tìm hiểu được một tháng thì tiến Thôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên ngày 01/12/2006, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi cưới vợ chồng chị về chung sống cùng với bố mẹ anh Q tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Đến giữa năm 2018 vợ chồng xây nhà ra ăn ở riêng tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q không đi làm, thường xuyên đi chơi bời, uống rượu nhậu nhẹt cùng bạn qua đêm về mắng, chửi vợ, không quan tâm đến con cái dẫn đến vợ chồng hay xảy ra xô sát cãi nhau. Do các con còn bé nên chị có gắng chịu đựng, những lúc anh Q tỉnh táo chị có động viên khuyên nhủ và được gia đình căn ngăn anh thay đổi hạn chế chơi bời, uống rượu nhậu nhẹt cùng bạn, tu chí làm ăn lo cho gia đình, nhưng anh Q không thay đổi nên mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Vợ chồng chị mặc dù vẫn sống cùng nhà nhưng từ đầu năm 2024 anh Q không cùng chị lo toan kinh tế gia đình, chăm sóc con cái mà toàn bộ việc trang trải sinh hoạt gia đình, con cái ăn học đều do chị lo liệu, vợ chồng không có sự quan tâm, lo lắng và trách nhiệm dành cho nhau. Đến nay chị xác định hôn nhân giữa chị và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Đào Duy L, sinh ngày 12/11/2007, Đào Ngọc T, sinh ngày 13/5/2010 và Đào Trâm A, sinh ngày 06/3/2022, hiện các con đều đang ở cùng với anh Q. Trước khi làm đơn ly hôn chị và anh Q cũng đã thỏa thuận để ổn định cuộc sống và học tập của các con nên chị nhường quyền nuôi cả ba con chung cho anh Q, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh Q.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đào Văn Q đến Tòa án để lấy lời khai và hòa giải đoàn tụ nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do. Ngày 07/01/2025, Tòa án kết hợp cùng chính quyền địa phương xuống tận nhà anh Q làm việc, tại buổi làm việc bị đơn anh Đào Văn Q trình bày: Anh đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo hòa giải của Tòa án, tuy nhiên do công việc bận nên anh không đến Tòa án làm việc; Về quan hệ hôn nhân: Anh Q thống nhất với lời trình bày của chị S về thời gian

đăng ký kết hôn, anh thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và một phần do anh thỉnh thoảng có uống rượu nên có lời ra tiếng vào, dẫn đến vợ chồng có xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng, gia đình không biết nên không có hòa giải gì. Anh không biết lý do tại sao chị S làm đơn xin ly hôn anh. Vợ chồng vẫn chung sống cùng nhau, khi anh nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án, anh có nói chị S "không ở được thì đi", do vậy chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân được hơn một tháng gần đây. Nay chị S xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị S vẫn còn nên anh xin đoàn tụ. Nếu chị S vẫn cương quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con là cháu Đào Duy L, sinh ngày 12/11/2007, Đào Ngọc T, sinh ngày 13/5/2010 và Đào Trâm A, sinh ngày 06/3/2022, hiện các con đều đang ở cùng với anh. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi cả 3 con chung. Anh tự nguyện không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Đào Duy L, Đào Ngọc T đều có nguyện vọng xin được ở với bố.

Người làm chứng: Ông Đào Văn T là bố đẻ của anh Q và bà Vũ Thị N là mẹ đẻ chị S đều xác định: Anh Q và chị S có đăng ký kết hôn vào năm 2006, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau lễ cưới vợ chồng anh Q về chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh Q. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, nguyên nhân là do tính cách sống và một phần do anh Q hay uống rượu có lời nói có thể xúc phạm chị S, không quan tâm đến gia đình. Mâu thuẫn của anh chị cũng đã được gia đình khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi. Nay chị S, anh Q ly hôn, ông T và bà N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chị S, anh Q có 03 con chung là cháu Đào Duy L, sinh ngày 12/11/2007, Đào Ngọc T, sinh ngày 13/5/2010 và Đào Trâm A, sinh ngày 06/3/2022, hiện các con đều đang ở cùng với anh Q.

Xác minh tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Anh Q và chị S có đăng ký tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên ngày 01/12/2006 được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; về tình trạng hôn nhân của anh Q, chị S. Theo địa phương nắm được, quá trình vợ chồng anh Q chung sống có xảy ra mâu thuẫn, còn nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được vì không qua địa phương hòa giải. Vợ chồng anh Q, chị S có 03 con chung là Đào Duy L, sinh ngày 12/11/2007, Đào Ngọc T, sinh ngày 13/5/2010 và Đào Trâm A, sinh ngày 06/3/2022.

Hiện tại chị S về nhà bố mẹ đẻ sinh sống không có mặt tại địa phương. Anh Đào Văn Q hiện đang sinh sống tại thôn T, xã T huyện T và có mặt tại địa phương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q vắng mặt không đến Tòa án theo giấy triệu tập, nên Tòa án không tiến hành hòa giải các bên đương sự .

Tại phiên tòa ngày 19/02/2025, vắng mặt anh Đào Văn Q không có lý do nên HĐXX đã quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên toà hôm nay, chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Chủ tọa phiên tòa, công bố bản tự khai, biên bản ghi lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại UBND xã T và các tài liệu khác.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh Q kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do cách sống và một phần do anh Q hay uống rượu có lời nói xúc phạm chị S, không quan tâm đến gia đình. Mâu thuẫn của anh chị cũng đã được gia đình khuyên nhủ nhiều lần nhưng không được, nay xét thấy tình cảm của vợ chồng anh chị không còn nên đề nghị HĐXX, xử cho chị Mai Thị S được ly hôn với anh Đào Văn Q.

- Về con chung: Giao các cháu Đào Duy L, sinh ngày 12/11/2007, Đào Ngọc T, sinh ngày 13/5/2010 và Đào Trâm A, sinh ngày 06/3/2022 cho anh Đào Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu L, T và Trâm A đủ 18 tuổi. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, nguyên đơn và bị đơn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung , công sức, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Án phí: Chị S phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1].Về tố tụng: Chị Mai Thị S khởi kiện xin ly hôn anh Đào Văn Q có nơi cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải Q của TAND huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị S có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Toà án xét xử vắng mặt chị S theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 19/02/2025 nên Tòa án nhân dân huyện T đã ra quyết

định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 28/02/2025. Anh Q đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Q.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị S, HĐXX thấy: Chị S và anh Q có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 01/12/2006, trên cơ sở tự nguyện. Do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q thường xuyên đi chơi bời, uống rượu cùng bạn về mắng, chửi vợ, không quan tâm đến con cái dẫn đến vợ chồng hay xảy ra xô sát, cãi nhau. Chị S cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng và cùng gia đình can ngăn, động viên, khuyên nhủ anh Q thay đổi nhưng anh Q không thay đổi nên mâu thuẫn của vợ chồng càng trầm trọng hơn. Mặc dù vợ chồng chị vẫn sống cùng nhà nhưng từ đầu năm 2024 anh Q không cùng chị lo toan kinh tế gia đình, chăm con cái mà toàn bộ việc trang trải sinh hoạt gia đình, con cái ăn học đều do chị lo liệu, vợ chồng đã không có sự quan tâm, lo lắng và trách nhiệm dành cho nhau. Chị S xác định tình cảm vợ chồng với anh Q không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương Q đề nghị Tòa án giải Q cho chị được ly hôn. Anh Q xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị S nên xin đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù anh Q xin đoàn tụ gia đình nhưng anh không có biện pháp hữu hiệu nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh Q thừa nhận vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và một phần do lỗi của anh hay uống rượu nên có lời ra tiếng vào, dẫn đến vợ chồng xảy ra va chạm cãi nhau. Từ đó có thể thấy việc anh Q xin đoàn tụ chỉ là mục đích rằng buộc cuộc sống hôn nhân chứ không có trách nhiệm, nghĩa vụ xây dựng gia đình hạnh phúc. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh Q đã phát sinh kéo dài, không còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đã đến mức đã trầm trọng, hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S xử cho chị S được ly hôn anh Q.

[3]. Về con chung: Anh chị có 3 con chung là cháu Đào Duy L, sinh ngày 12/11/2007, Đào Ngọc T, sinh ngày 13/5/2010 và Đào Trâm A, sinh ngày 06/3/2022. Hiện các cháu đang ở cùng với anh Q, cháu L, T đều xin được ở với anh Q. Ly hôn anh Q có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả 3 cháu L, T và Trâm A. Anh Q không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Chị S có quan điểm nhường quyền nuôi cả 3 con cho anh Q, cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu xin được ở với bố. Nên HĐXX sẽ giao cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng cả 3 cháu L, T và Trâm A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Do chị S, anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX không giải quyết. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong quá trình anh Q nuôi con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung, công sức; nợ chung: Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Mai Thị S phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57, 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227 BLTTDS

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị S.

1.Về hôn nhân: Chị Mai Thị S được ly hôn anh Đào Văn Q.

2.Về con chung: Xử giao các cháu Đào Duy L, sinh ngày 12/11/2007, Đào Ngọc T, sinh ngày 13/5/2010 và Đào Trâm A, sinh ngày 06/3/2022 cho anh Đào Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu L, T, Trâm A đủ 18 tuổi. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

Chị S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung, công sức; nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu. HĐXX không xem xét giải quyết.

4.Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án:

Chị Mai Thị S phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001068 ngày 18/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị S đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự, đại diện hợp pháp cho người chưa thành niên biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Thiện Phiến (CNKH số 77/2006);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Minh Ngọc